

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến hết ngày 31/12/2017*

Mã chứng khoán: **EVE**

Loại hình: **Báo cáo tài chính hợp nhất**

**MỤC LỤC**

*Trang*

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>976,238,173,324</b>	<b>804,991,252,918</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>131,586,803,113</b>	<b>79,148,811,059</b>
111 1. Tiền		40,605,973,113	48,648,811,059
112 2. Các khoản tương đương tiền		90,980,830,000	30,500,000,000
<b>120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>187,860,000,000</b>	<b>73,140,000,000</b>
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	187,860,000,000	73,140,000,000
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>255,290,707,061</b>	<b>243,742,976,292</b>
131 1. Phải thu khách hàng	6	219,206,710,420	180,180,602,822
132 2. Trả trước cho người bán	6	9,249,395,885	6,071,660,749
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60,773,000,000	60,773,000,000
136 4. Các khoản phải thu khác		17,396,676,448	6,100,750,847
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(51,335,075,692)	(9,383,038,126)
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>394,191,600,280</b>	<b>405,618,484,232</b>
141 1. Hàng tồn kho		404,950,275,044	412,586,637,519
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10,758,674,764)	(6,968,153,287)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7,309,062,870</b>	<b>3,340,981,335</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	7,158,192,258	3,190,981,335
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		870,612	0
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		150,000,000	150,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

200	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>		<b>309,001,222,782</b>	<b>309,836,108,255</b>
210	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1,313,105,104</b>	<b>1,647,711,335</b>
216		1. Phải thu dài hạn khác		2,600,432,409	2,923,038,131
219		2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1,287,327,305)	(1,275,326,796)
220	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>275,586,750,070</b>	<b>285,736,663,309</b>
221		1. Tài sản cố định hữu hình	9	267,187,001,325	274,781,108,969
222		- Nguyên giá		531,720,972,399	505,473,867,741
223		- Giá trị hao mòn lũy kế		(264,533,971,074)	(230,692,758,772)
224		2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	71,919,283	83,274,958
225		- Nguyên giá		113,556,756	113,556,756
226		- Giá trị hao mòn lũy kế		(41,637,473)	(30,281,798)
227		3. Tài sản cố định vô hình	11	8,327,829,462	10,872,279,382
228		- Nguyên giá		39,451,177,876	39,451,177,876
229		- Giá trị hao mòn lũy kế		(31,123,348,414)	(28,578,898,494)
250	<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	<b>2,638,200,000</b>	<b>2,638,200,000</b>
251		1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252		2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	-	-
253		3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	2,638,200,000	2,638,200,000
254		4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	<b>III.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>29,463,167,608</b>	<b>19,813,533,611</b>
261		1. Chi phí trả trước dài hạn	14	15,482,604,742	15,147,738,448
262		2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26	13,980,562,866	4,665,795,163
270		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>1,285,239,396,106</b>	<b>1,114,827,361,173</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>		<b>368,531,121,976</b>	<b>155,177,746,983</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>173,326,056,372</b>	<b>108,391,290,137</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	56,437,003,377	43,809,854,386
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	8,994,409,919	5,647,479,131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	18,968,341,098	26,760,029,293
314	4. Phải trả người lao động		14,998,237,894	11,454,147,070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		12,809,520,900	2,546,128,909
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		23,944,003	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5,889,541,221	1,038,688,812
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	55,205,057,960	17,134,962,536
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>195,205,065,604</b>	<b>46,786,456,846</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	15,166,237,506	3,849,537,782
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	29,951,919,582	41,405,772,228
342	3. Trái phiếu	18	150,000,000,000	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	86,908,516	1,531,146,836
400	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>		<b>916,708,274,130</b>	<b>959,649,614,190</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	916,708,274,130	959,649,614,190
411	<b>L. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]</b>		419,797,730,000	419,797,730,000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419,797,730,000	419,797,730,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		203,072,724,247	203,072,724,247
415	3. Cổ phiếu quỹ		(49,000,000,000)	-
417	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(63,515,658)	(172,241,448)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		12,968,739,200	12,055,386,440
421	5. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lũy kế]		329,932,596,341	324,896,014,951
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		278,495,114,383	235,281,188,675
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		51,437,481,958	89,614,826,276
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>		<b>1,285,239,396,106</b>	<b>1,114,827,361,173</b>

Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc

Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun



Ngày 30 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2017	Năm 2017	Quý 4/2016	năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	21	345,842,002,921	995,367,814,977	253,460,897,686	868,969,242,139
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		926,792,871	1,145,618,987	4,705,895,786	5,054,666,284
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	21	344,915,210,050	994,222,195,990	248,755,001,900	863,914,575,855
11	4. Giá vốn hàng bán	22	231,761,220,595	664,327,864,543	167,809,371,066	572,836,325,077
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)		113,153,989,455	329,894,331,447	80,945,630,834	291,078,250,778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,357,332,924	15,529,926,580	1,080,774,994	14,457,940,475
22	7. Chi phí tài chính	24	4,898,185,860	12,938,661,154	(1,787,653,029)	5,913,773,842
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4,173,826,021	8,080,207,408	595,901,003	4,338,980,359
24	8. Lỗ/ Lãi của công ty liên kết		-	-	(10,740,398,555)	(9,740,391,052)
25	9. Chi phí bán hàng	23	48,875,190,779	128,553,508,561	28,346,445,869	82,114,536,494
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	36,123,386,195	139,452,899,285	28,925,036,898	96,447,072,433
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) (30=20+(21-22)-(24+25))		24,614,559,545	64,479,189,027	15,802,177,535	111,320,417,432
31	12. Thu nhập khác		(303,259,392)	549,676,287	3,047,672,189	4,323,488,385
32	13. Chi phí khác		15,720,070	570,674,656	(784,902,436)	2,153,863,240
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)		(318,979,462)	(20,998,369)	3,832,574,625	2,169,625,145
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		24,295,580,083	64,458,190,658	19,634,752,160	113,490,042,577
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	10,119,406,421	22,335,476,404	9,198,035,924	28,541,011,464
52	17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	4,645,615,952	9,314,767,704	4,665,795,163	4,665,795,163
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		18,821,789,614	51,437,481,958	15,102,511,399	89,614,826,276
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-	-	-
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		18,821,789,614	51,437,481,958	15,102,511,399	89,614,826,276
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		449	1,227	360	2,148
	20. Lãi pha loãng trên cổ phiếu		449	1,227	360	2,148

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

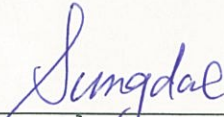
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>64,458,190,658</b>	<b>113,490,042,577</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		36,397,017,897	33,317,416,821
03	Các khoản dự phòng		45,754,559,551	7,613,655,755
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		19,567,957	(847,133,236)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(9,537,403,667)	852,405,118
06	Chi phí lãi vay		8,080,207,408	4,338,980,359
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>145,172,139,804</b>	<b>158,765,367,394</b>
09	Thay đổi các khoản phải thu		(50,066,301,883)	(13,832,597,823)
10	Thay đổi hàng tồn kho		7,636,362,475	(33,738,486,688)
11	Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		41,561,673,777	(297,785,985)
12	Thay đổi chi phí trả trước		(4,302,077,215)	220,589,796
13	Tiền lãi vay đã trả		(4,098,137,544)	(4,445,158,091)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(29,882,615,113)	(37,481,419,321)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5,011,626,877)	(4,615,814,228)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>101,009,417,424</b>	<b>64,574,695,054</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(26,906,273,608)	(45,231,657,994)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	501,016,182
23	2. Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(187,860,000,000)	(255,813,000,000)
24	3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		73,140,000,000	330,965,000,000
25	4. Tiền chi góp vốn cho các đơn vị khác		-	-
26	5. Tiền thu hồi từ đơn vị khác		22,695	
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7,067,881,695	9,692,731,378
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(134,558,369,218)</b>	<b>40,114,089,566</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	1. Tiền thu từ việc bán lại cổ phiếu đã phát hành			22,564,158,603
33	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ		(49,000,000,000)	-
34	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		272,466,811,069	133,024,350,793
35	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(95,816,489,721)	(171,947,736,743)
36	4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(34,078,570)	(25,057,953)
37	4. Cổ tức đã trả cho cổ đông		(41,920,159,250)	(55,897,044,106)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>85,696,083,528</b>	<b>(72,281,329,406)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>52,147,131,734</b>	<b>32,407,455,214</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	4	<b>79,148,811,059</b>	<b>46,536,789,925</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		290,860,320	240,354,920
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>131,586,803,113</b>	<b>79,184,600,059</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính năm kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chần, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dung nội thất bằng gỗ, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.307 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.341 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

*Công ty TNHH Everpia Cambodia*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

*Công ty TNHH Everpia Interamaru*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Interamaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Interamaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 03 năm 2017, Công ty đã quyết định không chuyển tiền đầu tư cho công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

*Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)*

*Công ty Cổ phần Everpia Korea*

Công ty con này là một công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18 104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ, tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**2.3 Kỳ kế toán quý**

Kỳ kế toán quý 04 của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Thương hiệu, kênh phân phối*

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty và các công ty con sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.16 Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo của cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập**

Việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo cho mục đích kế toán được xử lý dựa trên các nguyên tắc sau:

- ▶ Đối với tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Đối với nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá +/- 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân.

Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đơn vị tiền tệ báo cáo được ghi nhận như một phần riêng biệt của vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư trong cơ sở nước ngoài hoạt động độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	132,442,000	670,761,319
Tiền gửi ngân hàng	40,473,531,113	47,978,049,740
Các khoản tương đương tiền (*)	91,030,830,000	30,500,000,000
	<b>131,636,803,113</b>	<b>79,148,811,059</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm (2016: lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	187,860,000,000	187,860,000,000	73,140,000,000	73,140,000,000
	<u>187,860,000,000</u>	<u>187,860,000,000</u>	<u>73,140,000,000</u>	<u>73,140,000,000</u>

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm, hưởng lãi suất từ 5%/ năm đến 5.4%/ năm

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	<b>218,478,997,243</b>	<b>178,974,195,038</b>
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mai Phú Trường		8,660,898,816
Tổng Công Ty Đông Bắc	2,716,000,000	
Công ty CP Welcron , ltd		7,921,768,085
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ INDOCHINA RSCO , ltd	3,873,319,811	
AT Phố Huế		5,186,214,570
Global Garment	6,563,563,820	4,896,229,069
Pan- Pacific co, ltd	601,012,678	1,194,696,438
- Các khoản phải thu khách hàng khác	204,725,100,934	146,209,862,468
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	727,713,177	1,206,407,784
	<u>219,206,710,420</u>	<u>180,180,602,822</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<b>(21,407,675,764)</b>	<b>(9,383,038,126)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Shenzeng	1,830,925,551	
Công ty May Thời Trang		
Ngân Hà	790,086,000	
Trả trước cho nhà cung cấp	6,628,384,334	6,071,660,749
	<u>9,249,395,885</u>	<u>6,071,660,749</u>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	60,773,000,000	60,773,000,000
	<u>60,773,000,000</u>	<u>60,773,000,000</u>
Dự phòng khoản cho vay	(29,927,399,928)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	12,954,149,320	13,907,889,386
Nguyên liệu, vật liệu	235,024,197,350	207,115,603,974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang	-	22,295,952
Thành phẩm	145,580,610,737	182,552,792,701
Hàng hoá	11,391,317,636	8,988,055,506
Hàng gửi đi bán	-	-
	<u><b>404,950,275,044</b></u>	<u><b>412,586,637,519</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho nguyên vật liệu	(6,431,220,746)	688,261,204
Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho thành phẩm	(4,327,454,018)	6,279,892,083
	<u><b>(10,758,674,764)</b></u>	<u><b>6,968,153,287</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**09. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	182,094,947,025	258,080,523,546	19,645,957,115	26,517,602,606	19,134,837,449	505,473,867,741
Tăng trong kỳ	16,883,021,132	7,432,734,535	674,518,273	2,409,901,727	1,174,959,164	28,575,134,831
Giảm trong kỳ	872,561,600	1,228,700,253	-	154,950,400	71,817,920	2,328,030,173
Tại ngày 31/12/2017	<b>198,105,406,557</b>	<b>264,284,557,828</b>	<b>20,320,475,388</b>	<b>28,772,553,933</b>	<b>20,237,978,693</b>	<b>531,720,972,399</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	45,030,192,190	150,505,357,334	10,818,330,948	13,387,963,329	10,950,914,971	230,692,758,772
Trích vào chi phí trong kỳ	12,830,048,708	15,563,281,709	1,176,412,082	3,566,292,696	1,796,100,627	34,932,135,822
Giảm trong kỳ	44,531,200	873,584,000	-	109,510,400	63,297,920	1,090,923,520
Tại ngày 31/12/2017	<b>57,815,709,698</b>	<b>165,195,055,043</b>	<b>11,994,743,030</b>	<b>16,844,745,625</b>	<b>12,683,717,678</b>	<b>264,533,971,074</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2017	<b>140,289,696,859</b>	<b>99,089,502,785</b>	<b>8,325,732,358</b>	<b>11,927,808,308</b>	<b>7,554,261,015</b>	<b>267,187,001,325</b>
Tại ngày 01/01/2017	<b>137,064,754,835</b>	<b>107,575,166,212</b>	<b>8,827,626,167</b>	<b>13,129,639,277</b>	<b>8,183,922,478</b>	<b>274,781,108,969</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	Máy photocopy	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	113,556,756	113,556,756
- Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	113,556,756	113,556,756
<b>Giá trị hao mòn</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	30,281,798	30,281,798
- Khấu hao trong năm	11,355,675	11,355,675
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	41,637,473	41,637,473
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2017	<b>83,274,958</b>	<b>83,274,958</b>
Tại ngày 31/12/2017	<b>71,919,283</b>	<b>71,919,283</b>

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	16,137,011,848	7,315,137,120	4,439,855,839	686,893,687	28,578,898,494
Trích vào chi phí trong năm	1,226,248,025	516,362,635	801,839,260	0	2,544,449,920
Tại ngày 31/12/2017	17,363,259,873	7,831,499,755	5,241,695,099	686,893,687	31,123,348,414
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2017	6,131,240,127	245	2,196,589,090	(0)	8,327,829,462
Tại ngày 01/01/2017	7,357,488,152	516,362,880	2,998,428,350	-	10,872,279,382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đơn vị tính: VND

<b>Giá trị đầu tư</b>	
Đầu kỳ	11,590,390,000
Dự phòng trong kỳ	11,590,390,000
Cuối kỳ	-
<b>Phần lỗ lũy kế của công ty liên kết</b>	
Số đầu năm	11,590,390,000
Phần lỗ sau khi mua công ty liên kết	-
Số cuối quý	11,590,390,000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 số 472033001056 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 31/12/2018, công ty đang nắm giữ 44% cổ phần của công ty này. Năm 2018, Công ty đã có quyết định mua lại toàn bộ tài sản và công ty của công ty liên kết này.

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng.

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	2,638,200,000	2,638,200,000
	<u>2,638,200,000</u>	<u>2,638,200,000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa		150,000,000
Công cụ dụng cụ	145,986,375	645,283,827
Bảo hiểm cháy nổ	449,309,413	447,941,340
Quảng cáo	6,418,980,602	914,994,045
Chi phí khác	143,915,869	1,032,762,123
	<u>7,158,192,258</u>	<u>3,190,981,335</u>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê Showroom Keangnam	7,076,234,375	7,380,175,025
Chi phí thi công Showroom	3,504,888,896	
Tiền sử dụng đất chi nhánh Hòa bình		5,429,545,455
Chi phí dài hạn khác	4,901,481,471	2,338,017,968
	<u>15,482,604,742</u>	<u>15,147,738,448</u>

(\*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Giá trị thanh toán	Giá trị	Giá trị thực hiện
Phải trả người bán	56,437,003,377	56,437,003,377	43,809,854,386	43,809,854,386
	<u>56,437,003,377</u>	<u>56,437,003,377</u>	<u>43,809,854,386</u>	<u>43,809,854,386</u>
Phải trả cho bên liên quan	2,103,781,416	2,103,781,416	221,100,000	221,100,000
Phải trả cho người bán	54,333,221,961	54,333,221,961	43,588,754,386	43,588,754,386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công Ty Cổ Phân Bất Động Sản Syrena Phú Quốc	3,430,856,814	
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH	1,350,515,149	
Khách hàng trả tiền trước	4,213,037,956	5,647,479,131
	<u><b>8,994,409,919</b></u>	<u><b>5,647,479,131</b></u>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3,163,977,422	2,954,458,996
Thuế xuất, nhập khẩu	-	573,239,843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,889,560,075	22,436,698,823
Thuế thu nhập cá nhân	914,803,601	717,881,952
Các loại thuế khác	-	77,749,679
	<u><b>18,968,341,098</b></u>	<u><b>26,760,029,293</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	VND	VND
Phát hành Coupon	1,228,693,181	588,840,909
Kinh phí công đoàn	33,978,810	4,908,000
Bảo hiểm xã hội	132,306,545	84,545,734
Phải trả- phải nộp khác	4,494,562,683	360,394,169
	<b>5,889,541,219</b>	<b>1,038,688,812</b>
<b>Phải trả khác dài hạn</b>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	11,714,105,712	3,522,669,782
Phải trả dài hạn khác	3,452,131,794	326,868,000
	<b>15,166,237,506</b>	<b>3,849,537,782</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2017		Tăng/ Giảm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	38,681,935,275	38,681,935,275	116,564,313,160	77,882,377,885	-	-
Vay cá nhân khác	-	-	-	2,734,800,000	2,734,800,000	2,734,800,000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	25,728,214	25,728,214	25,728,214	25,057,953	25,057,953	25,057,953
Vay dài hạn đến hạn trả	16,497,394,471	16,497,394,471	16,497,394,471	14,375,104,583	14,375,104,583	14,375,104,583
	<b>55,205,057,960</b>	<b>55,205,057,960</b>	<b>133,087,435,845</b>	<b>95,017,340,421</b>	<b>17,134,962,536</b>	<b>17,134,962,536</b>

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2017		Tăng/ Giảm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	29,951,919,582	29,951,919,582	5,902,497,909	17,321,601,724	41,371,023,397	41,371,023,397
Nợ thuê tài chính	-	-	25,057,953	59,806,784	34,748,831	34,748,831
	<b>29,951,919,582</b>	<b>29,951,919,582</b>	<b>5,927,555,862</b>	<b>17,381,408,508</b>	<b>41,405,772,228</b>	<b>41,405,772,228</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**18.1 Các khoản vay ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	31/12/2017	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND		Nguyên tệ USD	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	29,355,282,722	4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 3.847%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13,821,304,059	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 6.83% đến 7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3,272,727,272	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất 6 tháng+1.3%/năm	Xe ô tô mua bằng khoản nợ này
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	25,080,714,544	1,103,176 Vay ngắn hạn 6 tháng	3%	Không cần tài sản đảm bảo
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	13,601,220,731	Vay ngắn hạn 6 tháng	5.50%	Không cần tài sản đảm bảo
	<b>85,131,249,328</b>			
Trong đó				
Vay ngắn hạn	38,681,935,275			
Vay dài hạn đến hạn trả	16,497,394,471			
Vay dài hạn	29,951,919,582			

**18.2 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê máy photocopy theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

**18.3 Trái phiếu**

Ngân hàng	31/12/2017	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	150,000,000,000	Phát hành trái phiếu 5 năm	7.50%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
	<b>150,000,000,000</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

<b>19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>		
Số đầu năm	1,531,146,836	2,683,121,285
Tăng trong năm		
Giảm trong năm ( Sử dụng)	(1,444,238,320)	(1,151,974,449)
	<u>86,908,516</u>	<u>1,531,146,836</u>

# Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	Vốn điều lệ	phần		vốn chủ sở hữu		chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,949,623,119	(108,571,925)	436,787,936,102	907,002,732,940
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89,614,826,276	89,614,826,276
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5,677,153,321	-	(5,677,153,321)	-
Cổ tức đã chia	139,932,550,000	-	-	-	-	(195,829,594,106)	(55,897,044,106)
Mua cổ phiếu quỹ	-	12,072,724,247	10,491,434,356	-	-	-	22,564,158,603
Giảm khác	-	-	-	(3,571,390,000)	(63,669,523)	-	(3,635,059,523)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>-</b>	<b>12,055,386,440</b>	<b>(172,241,448)</b>	<b>324,896,014,951</b>	<b>959,649,614,190</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	51,437,481,958	51,437,481,958
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4,480,741,317	-	(4,480,741,317)	-
Mua cổ phiếu quỹ (iii)	-	-	(49,000,000,000)	-	-	-	(49,000,000,000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	(41,920,159,250)	(41,920,159,250)
Giảm khác	-	-	-	(3,567,388,557)	108,725,790	-	(3,458,662,767)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>419,797,730,000</b>	<b>203,072,724,247</b>	<b>(49,000,000,000)</b>	<b>12,968,739,200</b>	<b>(63,515,658)</b>	<b>329,932,596,341</b>	<b>916,708,274,131</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31/12/2017		Ngày 31/12/2016	
	Tổng		Tổng	
Cổ phiếu phổ thông	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247
Cổ phiếu quỹ	(49,000,000,000)	(49,000,000,000)		
	<b>573,870,454,247</b>	<b>573,870,454,247</b>	<b>622,870,454,247</b>	<b>622,870,454,247</b>

**20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(2,431,800)	-
Cổ phiếu phổ thông	(2,431,800)	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	39,547,973	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	39,547,973	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

**20.4 Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.431.800 cổ phiếu, tương đương là 49.000.000.000 VND. Nguồn mua cổ phiếu này là từ Thặng dư vốn cổ phần của công ty trên báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2016 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

**20.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12,968,739,200	12,055,386,440
	<u><b>12,968,739,200</b></u>	<u><b>12,055,386,440</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu từ bán hàng**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm chăn ga, đệm	651,686,742,593	587,524,207,447
Doanh thu thành phẩm bông	343,681,072,385	281,445,034,692
Doanh thu bán phế liệu	-	
	<u>995,367,814,977</u>	<u>868,969,242,139</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,145,618,987	5,054,666,284
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>1,145,618,987</i>	<i>5,054,666,284</i>
	<u>994,222,195,990</u>	<u>863,914,575,855</u>

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9,313,780,972	10,452,656,820
Lãi chênh lệch tỷ giá	5,992,522,913	3,781,683,655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223,600,000	223,600,000
Doanh thu tài chính khác	22,695	-
	<u>15,529,926,580</u>	<u>14,457,940,475</u>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm chăn ga, đệm	432,443,506,541	386,794,086,047
Giá vốn thành phẩm bông	231,884,358,003	186,042,239,030
	<u>664,327,864,543</u>	<u>572,836,325,077</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
- Chi phí nhân công	41,818,414,516	29,577,137,363
- Chi phí nguyên vật liệu	4,803,989,311	2,504,655,564
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2,830,537,242	2,632,355,455
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33,460,372,681	38,706,700,582
- Chi phí khác	45,640,194,811	8,693,687,530
	<b>128,553,508,561</b>	<b>82,114,536,494</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân công	61,865,976,673	58,802,551,694
- Chi phí nguyên vật liệu	2,191,275,047	200,308,425
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8,782,989,721	7,360,652,744
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18,049,048,786	19,655,395,932
- Chi phí khác	48,563,609,056	10,428,163,638
	<b>139,452,899,285</b>	<b>96,447,072,433</b>

**24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	8,080,207,408	4,338,980,359
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,849,429,710	1,559,424,497
Chi phí tài chính khác	9,024,036	15,368,986
	<b>12,938,661,154</b>	<b>5,913,773,842</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày  
25. **LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

THU NHẬP KHÁC	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý nhượng bán TSCD	-	
Thu nhập khác	549,676,287	4,323,488,385
	<b>549,676,287</b>	<b>4,323,488,385</b>
CHI PHÍ KHÁC	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý nhượng bán TSCD		-
Chi phí khác	570,674,656	2,153,863,240
	<b>570,674,656</b>	<b>2,153,863,240</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	519,865,624,090	479,652,272,869
Chi phí nhân công	194,464,078,908	169,057,422,824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37,487,941,417	33,317,416,821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59,552,959,189	61,586,419,352
Chi phí khác bằng tiền	77,443,642,108	19,331,673,012
	<b>888,814,245,712</b>	<b>762,945,204,878</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>64,458,190,658</b>	<b>113,490,042,577</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>47,219,191,362</b>	<b>29,215,014,743</b>
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế		-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		-
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi thuế TNDN	-	-
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>111,677,382,020</b>	<b>142,705,057,320</b>
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế</i>	<i>111,677,382,020</i>	<i>142,705,057,320</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,335,476,404	28,541,011,464
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22,335,476,404</b>	<b>28,541,011,464</b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

	Bảng cân đối kế toán		Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Báo cáo hoạt động kinh doanh Năm 2017	Năm 2016
<b>Tài sản thuế hoãn lại</b>				
Doanh thu bán phiếu mua hàng	245,738,636	117,768,182	127,970,454	117,768,182
Doanh thu chưa phát hành hóa đơn	-	846,699,966	(846,699,966)	846,699,966
Dự phòng hàng tồn kho	2,151,734,953	1,393,630,658	758,104,295	1,393,630,658
Dự phòng phải thu khó đòi	8,276,815,138	1,876,607,625	6,400,207,513	1,876,607,625
Chi phí phá dỡ nhà xưởng	110,519,852		110,519,852	-
Khấu hao nhà xưởng do	931,341,662		931,341,662	-
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,342,821,143	704,533,956	1,638,287,187	704,533,956
			-	-
<b>Tổng</b>	<b>14,058,971,385</b>	<b>4,939,240,387</b>	<b>9,119,730,998</b>	<b>4,939,240,387</b>
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(78,408,519)	(273,445,224)	195,036,706	(273,445,224)
<b>Tổng</b>	<b>(78,408,519)</b>	<b>(273,445,224)</b>	<b>195,036,706</b>	<b>(273,445,224)</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>	<b>13,980,562,866</b>	<b>4,665,795,163</b>	<b>9,314,767,704</b>	<b>4,665,795,163</b>

## 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2017	năm 2016
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	-	16,040,000,000
		Thu tiền cho vay	-	3,640,000,000
		Lãi cho vay	3,697,024,170	4,157,661,832
		Doanh thu gia công	1,439,639,777	2,851,649,941
		Thanh lý tài sản	-	400,000,000
		Dịch vụ	2,248,929,371	880,000,000
		Khác		2,706,060
		Mua miếng lau màn hình		809,950,000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

Số dư cuối kỳ của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Phải thu	Mối quan hệ	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			31/12/2017	31/12/2016
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Gia công	59,113,327	1,206,407,784
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5,246,735,670	1,549,711,500
		Khác	668,599,850	730,000,000
<b>Phải trả</b>				
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Hàng hóa	2,103,781,416	221,100,000
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty CP Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60,773,000,000	60,773,000,000

(\*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn 1-8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017	Năm 2016
Lương gộp và các quyền lợi khác	18,494,353,546	17,009,454,229
	<b>18,494,353,546</b>	<b>17,009,454,229</b>

#### 28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51,437,481,958	89,614,826,276
Ảnh hưởng suy giảm	0	0
Lợi nhuận sau thuế sau khi đã điều chỉnh suy giảm	51,437,481,958	89,614,826,276
Bình quân gia quyền của số cổ đông phổ thông	41,907,263	41,718,323
Ảnh hưởng suy giảm	0	
Bình quân gia quyền của số cổ đông phổ thông	41,907,263	41,718,323
Lãi trên cổ phiếu	1,227	2,148
Lãi pha loãng cổ phiếu	1,227	2,148

**29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 96,30 % tổng doanh thu trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Tại ngày 01/01/2018, Công ty Cổ phần Everpia đã có quyết định mua lại toàn bộ tài sản và công nợ của công ty CP Texpia. Toàn bộ quá trình định giá, xác nhận mua bán đang được tiến hành.

**31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUÝ 4/2017**

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình chênh lệch biến động tăng/ giảm của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2017 so với quý 4 năm 2016

Chỉ tiêu	2017	2016	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý4	344,915,210,050	248,755,001,900	39%
Lợi nhuận sau thuế quý 4	18,821,789,614	15,102,511,399	25%
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng năm	994,222,195,990	863,914,575,855	15%
Lợi nhuận sau thuế	51,437,481,958	89,614,826,276	-43%

Doanh thu bán hàng quý 4/2017 tăng trưởng vượt bậc 39% nhờ hiệu ứng từ các chương trình quảng cáo trong năm cùng với việc đẩy mạnh các chiến dịch bán hàng tại các trung tâm thương mại, mở mới showroom quy mô lớn. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế của quý tăng hơn do tận dụng được lợi thế với cùng kỳ năm trước.

Với kết quả kinh doanh quý 4, doanh thu cả năm 2017 ghi nhận mức tăng 15% so với 2016 tương đương 132 tỷ đồng, tuy nhiên lợi nhuận sụt giảm 43%,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018